

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 102/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế
và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước và Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1331/LS/STC-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách thành phố cấp.

b) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách quận - huyện cấp.

c) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn: Gồm cán bộ chuyên trách, công chức chuyên môn và cán bộ không chuyên trách (không bao gồm cán bộ không chuyên

trách áp, khu phố, tổ dân phố và tổ nhân dân) theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Quyết định số 339/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Về định mức kinh phí giao quyền thực hiện chế độ tự chủ:

Áp dụng định mức khoán kinh phí quản lý Nhà nước đối với sở - ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 246/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005.

Điều 2. Về biên chế thực hiện chế độ tự chủ bao gồm biên chế hành chính, biên chế dự bị (nếu có) được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao trong chi tiêu biên chế hàng năm (chỉ tiêu này bao gồm cả hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp).

Điều 3. Về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: Do ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán hàng năm và được cơ quan thẩm quyền duyệt cấp, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán đã được Ủy ban nhân dân thành phố (hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện) giao hàng năm.

b) Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định.

c) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Nội dung chi, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước và Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

3. Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ, bao gồm:

a) Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón khách nước ngoài vào Việt Nam công tác (đoàn ra, đoàn vào).

b) Chi sửa chữa lớn và mua sắm tài sản cố định mà kinh phí thường xuyên không đáp ứng được.

c) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế, vốn đối ứng các dự án (nếu có).

d) Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp thẩm quyền giao.

- e) Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- g) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.
- h) Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức.
- i) Kinh phí nghiên cứu khoa học.
- k) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo dự án được duyệt.
- l) Các chế độ ưu đãi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 4. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính hoặc chuyển từ chế độ khoán định biên và kinh phí hoạt động sang chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với phường - xã, thị trấn.

Điều 5. Thời gian áp dụng chế độ tự chủ từ ngày 01 tháng 01 năm 2006. Giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ hướng dẫn việc chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính hoặc chuyển từ chế độ khoán định biên và kinh phí hoạt động sang chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước và phường - xã, thị trấn.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với đơn vị về cho phép thực hiện mở rộng khoán định biên và kinh phí hoạt động đối với phường - xã, thị trấn (danh mục kèm theo).

Điều 7. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

DANH MỤC CÁC QUYẾT ĐỊNH BÃI BỎ*(Kèm theo Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND**ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Quyết định số 74/2002/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Công nghiệp.

2. Quyết định số 348/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Công nghiệp.

3. Quyết định số 158/2003/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Quyết định số 347/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Quyết định số 205/2003/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Thương mại.

6. Quyết định số 342/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Thương mại.

7. Quyết định số 206/2003/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Thanh tra thành phố.

8. Quyết định số 346/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Thanh tra thành phố.

9. Quyết định số 219/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài.

10. Quyết định số 153/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài.

11. Quyết định số 222/2003/QĐ-UB ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Ban Tổ chức Chính quyền thành phố (nay là Sở Nội vụ).

12. Quyết định số 343/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Nội vụ.

13. Quyết định số 241/2003/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Tư pháp.

14. Quyết định số 345/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Tư pháp.

15. Quyết định số 320/2003/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Tài chính.

16. Quyết định số 234/2003/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Du lịch.

17. Quyết định số 152/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Du lịch.

18. Quyết định số 458/QĐ-UB ngày 09 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Khoa học và Công nghệ.

19. Quyết định số 99/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư.

20. Quyết định số 149/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

21. Quyết định số 100/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

22. Quyết định số 151/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban

nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

23. Quyết định số 158/2004/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Văn hóa và Thông tin.

24. Quyết định số 344/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Văn hóa và Thông tin.

25. Quyết định số 202/2004/QĐ-UB ngày 19 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng khu đô thị mới Nam thành phố.

26. Quyết định số 214/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Giao thông Công chánh.

27. Quyết định số 151/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Giao thông Công chánh.

28. Quyết định số 154/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

29. Quyết định số 122/2005/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Y tế.

30. Quyết định số 172/2005/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố.

31. Quyết định số 193/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 1.

32. Quyết định số 214/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 2.

33. Quyết định số 151/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 3.

34. Quyết định số 152/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 4.
35. Quyết định số 191/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 5.
36. Quyết định số 153/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 6.
37. Quyết định số 154/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 7.
38. Quyết định số 190/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 8.
39. Quyết định số 194/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 9.
40. Quyết định số 155/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 10.
41. Quyết định số 217/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 11.
42. Quyết định số 202/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 12.
43. Quyết định số 215/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.
44. Quyết định số 192/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.
45. Quyết định số 197/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban

nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.

46. Quyết định số 203/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

47. Quyết định số 233/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

48. Quyết định số 196/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

49. Quyết định số 156/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

50. Quyết định số 216/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

51. Quyết định số 195/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

52. Quyết định số 182/2004/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

53. Quyết định số 201/2004/QĐ-UB ngày 19 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

54. Quyết định số 212/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

55. Quyết định số 157/2005/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho phép thực hiện mở rộng khoán định biên và kinh phí hoạt động đối với phường - xã, thị trấn.

56. Quyết định số 290/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 2.

57. Quyết định số 291/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

58. Quyết định số 292/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 12.

59. Quyết định số 293/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 6.

60. Quyết định số 294/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 3.

61. Quyết định số 295/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 1.

62. Quyết định số 296/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 4.

63. Quyết định số 297/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 10.

64. Quyết định số 298/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 9.

65. Quyết định số 299/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 8.

67. Quyết định số 300/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 7.

68. Quyết định số 301/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 5.

69. Quyết định số 302/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban

nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

70. Quyết định số 303/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

71. Quyết định số 304/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 11.

72. Quyết định số 305/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

73. Quyết định số 306/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

74. Quyết định số 307/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

75. Quyết định số 308/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

76. Quyết định số 309/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

77. Quyết định số 310/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ